

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – NĂM 2011

(Thực hiện theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn v/v Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Năm báo cáo: **Năm 2011.**

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng

Trong bối cảnh nhà nước thử nghiệm cơ chế mới “tự cân đối - tự trang trải”, cùng với nhu cầu khách quan về phát triển kinh tế thủy sản khu vực Miền Trung, ngày 26/02/1983, Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung.

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ ngày 31/3/1993 của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, tổ chức hoạt động kinh doanh về thủy sản, phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản và các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.

Thực hiện chủ trương của nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, Bộ Thủy Sản đã có quyết định số 1226/QĐ-BTS ngày 21/10/2005 về việc cổ phần hoá Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung.

Ngày 09/12/2006, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung.

Ngày 01/01/2007, Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.

Ngày 22/09/2008, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung, số 335/UBCK-GCN.

Ngày 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên mức 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của SeaproDEX Danang (mã SPD) trên sàn UpCom;

Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom.

Ngày 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

**Dự kiến** đến ngày 11/04/2012, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của SeaproDEX Danang (mã SPD) trên sàn UpCom;

**Dự kiến** ngày 16/04/2012, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom sau khi bổ sung cổ phiếu giao dịch.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành  | Mã ngành     |
|-----|--|--------------|
| 1   | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.<br>Chi tiết: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu . | 1020 (Chính) |
| 2   | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)   | 4512         |
| 3   | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác   | 4520         |



|    |   |  |
|----|---|--|
| 4  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  | 4530   |
| 5  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép  | 4641   |
| 6  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác   | 4511   |
| 7  | Đại lý, môi giới, đấu giá   | 4610   |
| 8  | Bán buôn đồ uống  | 4633   |
| 9  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4741   |
| 10 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.   | 4572   |
| 11 | Bán mô tô, xe máy   | 4541   |
| 12 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)  | 4649   |
| 13 | Bán buôn thực phẩm.   | 4632   |
| 14 | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm   | 4651   |
| 15 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại   | 4662   |
| 16 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu   | 4669   |
| 17 | Bán buôn tổng hợp   | 4690   |
| 18 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4722   |
| 19 | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.                                   | 5210   |
| 20 | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác   | 4513   |
| 21 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy   | 4543   |
| 22 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng   | 4663   |
| 23 | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy   | 4542   |
| 24 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  | 4620   |
| 25 | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4721   |
| 26 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô   | 4933   |
| 27 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  | 5610   |
| 28 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu   | 6619   |
| 29 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông  | 4652   |
| 30 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác   | 4659   |
| 31 | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4751   |
| 32 | Bốc xếp hàng hoá<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ   | 5224   |
| 33 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản   | 1080   |
| 34 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759   |
| 35 | Đầu tư tài chính  | <i>Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

### 3. Định hướng phát triển

Đến năm 2017, Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung có mặt trong bảng xếp hạng “VNR500”; cổ tức trung bình giai đoạn 2012-2016 là 14%/năm.

Công ty dùng thế mạnh là *sự phối kết hợp hiệu quả giữa xuất khẩu và nhập khẩu* để ổn định SXKD và khai thác khả năng sinh lợi.

Theo đó, năm 2012 Công ty sẽ phát triển đều trên cả 3 lĩnh vực : *sản xuất –thương mại - dịch vụ, trong đó sản xuất- xuất khẩu vẫn là trọng tâm phát triển, củng cố lĩnh vực sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản, quay nhanh vòng vốn ở lĩnh vực thương mại và khai thác hiệu quả của lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.*

**Giá trị cốt lõi Công ty lựa chọn để theo đuổi, gây dựng vẫn là:**

- **Đầu tư vào con người** là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- **Lấy chữ tín** đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;  
*Lấy các giá trị " đoàn kết - trung thành - năng động - chuyên nghiệp" làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp.*
- **Hợp tác cùng phát triển** là môi trường và sức mạnh để tồn tại và cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011:

Năm 2011, SeaproDEX Danang đã đạt được những kết quả tương đối tốt, dù chưa đạt đầy đủ kỳ vọng của mình, Công ty đã có những bước tiến mới trong mục tiêu **tăng kim ngạch xuất nhập khẩu**: đạt 61,999 triệu USD, tăng 13,76% so với kế hoạch năm 2011 (trong đó, kim ngạch XK đạt 28,916 triệu USD (tăng 31,44% so với kế hoạch năm), kim ngạch NK đạt 33,083 triệu USD (tăng 1,79% so với kế hoạch năm), **doanh thu đạt hơn 1.395 tỷ đồng**, tăng 8,99 % so với kế hoạch năm. Tuy nhiên, **lợi nhuận Công ty đạt 14,02 tỷ đồng**, bằng 87,63% so với kế hoạch năm.

Kết quả đạt được như trên trong bối cảnh Việt Nam tập trung cao nhất cho mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng tín dụng 12% được coi là thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây, lạm phát 18,13% thuộc hạng cao nhất thế giới. Mặt bằng lãi suất cao kỷ lục trong năm nay là hệ quả của chính sách tiền tệ thắt chặt, với việc giảm mạnh cung tiền, trong khi nhu cầu vốn trong nền kinh tế vẫn khá cao. Lãi suất bắt đầu leo thang kể từ đầu tháng 5/2011, có thời điểm huy động VND lên đến 20%/năm, lãi suất cho vay nông nghiệp nông thôn lên 16,5-20%/năm, cho vay phi sản xuất từ 25-28%/năm. Quy định trần lãi suất 14%/năm khiến các NHTM gặp khó về thanh khoản và phải đi vay trên thị trường liên ngân hàng với lãi suất cao. Cá biệt, có những giao dịch lãi suất lên tới mức 30-40%/năm kỳ hạn 1 tháng. Bên cạnh đó, khả năng xoay vòng vốn của các ngân hàng trong năm nay khá thấp do bị vướng nhiều khoản nợ xấu không thể thu hồi trong chứng khoán, bất động sản, và một số lĩnh vực khác..., khiến tính thanh khoản của cả hệ thống ngân hàng suy giảm mạnh, làm hạn chế lượng tiền sẵn có để cho vay. Ngoài ra, các ngân hàng cũng thận trọng hơn trong việc giải ngân cho vay do e ngại tính hiệu quả của các doanh nghiệp vay vốn... Tình trạng trên khiến có gần 49.000 doanh nghiệp đã dừng hoạt động, dừng nộp thuế, hoặc đã giải thể, phá sản, đóng cửa (theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), cho thấy dù Chính phủ đã có nhiều giải pháp tháo gỡ cho doanh nghiệp nhưng tình hình "sức khỏe" của doanh nghiệp vẫn giảm sút, môi trường kinh doanh của Việt Nam năm nay cũng xấu đi hơn nhiều trong đánh giá của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ. Bên cạnh đó, những mâu thuẫn quân sự, thương mại, những cuộc khủng hoảng nợ công, suy thoái kinh tế ở Châu Âu, ở các nước lớn cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn và giá cả nguyên liệu vốn là mặt

hàng thương mại chủ lực của Công ty - giá cả thực sự nằm ngoài qui luật, dự báo và rất khó có thể định liệu.

| Chỉ tiêu                       | ĐVT       | Kế Hoạch 2011<br>(ĐHCD giao) | TH năm<br>2011 | %<br>TH/KH<br>2011 |
|--------------------------------|-----------|------------------------------|----------------|--------------------|
| <b>1- Tổng doanh thu</b>       | Tỷ đồng   | 1.280                        | 1.395,08       | 108,99             |
| <b>2- Kim ngạch XNK</b>        | Triệu USD | 54,50                        | 61,999         | 113,76             |
| <i>Xuất khẩu</i>               | Triệu USD | 22,00                        | 28,916         | 131,44             |
| <i>Nhập Khẩu</i>               | Triệu USD | 32,50                        | 33,083         | 101,79             |
| <b>7- Khấu hao TSCĐ</b>        | Tỷ đồng   | 12,69                        | 12,69          | 100,00             |
| <b>8- Lợi nhuận trước thuế</b> | Tỷ đồng   | 16,00                        | 14,02          | 87,65              |
| <b>9- Tỷ lệ chia cổ tức</b>    | %         | 15,00                        | 12,00          | 80,00              |

## 2. Chi tiết tình hình thực hiện năm 2011 so với kế hoạch SXKD năm 2011:

| Chỉ tiêu                                      | ĐVT       | Kế Hoạch 2011<br>(HQQT giao) | TH năm<br>2011 | % TH/KH<br>2011 |
|---|-----------|------------------------------|----------------|-----------------|
| <b>1- Tổng doanh thu</b>                      | Tỷ đồng   | 1.280                        | 1.395,08       | 108,99          |
| <b>2- Kim ngạch XNK</b>                       | Triệu USD | 54,50                        | 61,999         | 113,76          |
| <i>Xuất khẩu</i>                              | Triệu USD | 22,00                        | 28,916         | 131,44          |
| <i>Nhập Khẩu</i>                              | Triệu USD | 32,50                        | 33,083         | 101,79          |
| <b>3. Mua vào vật tư trong nước</b>           | Tỷ đồng   | 55,000                       | 57,758         | 105,02          |
| <b>4- Chế biến thủy sản</b>                   |           |                              |                |                 |
| Giá trị                                       | Triệu USD | 20,00                        | 28,92          | 144,60          |
| Sản lượng                                     | Tấn       | 3.184                        | 3.315,06       | 104,12          |
| <b>5- SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC</b> |           |                              |                |                 |
| Doanh thu                                     | Tỷ đồng   | 48,00                        | 42,60          | 88,76           |
| Sản lượng SX :                                | Tấn       | 26.500                       | 25.912,00      | 97,78           |
| <i>Trong đó, SL SX thức ăn TS</i>             | Tấn       | 2.500                        | 2.563,00       | 102,52          |
| <b>6- Doanh thu Kinh doanh Kho vận</b>        | Tỷ đồng   | 7,50                         | 7,291          | 97,21           |
| <b>7- Khấu hao TSCĐ</b>                       | Tỷ đồng   | 12,69                        | 12,69          | 100,00          |
| <b>8- Lợi nhuận trước thuế</b>                | Tỷ đồng   | 16,00                        | 14,02          | 87,63           |
| <b>9- Tỷ lệ chia cổ tức (tối thiểu)</b>       | %         | 15,00                        | 12,00          | 80,00           |

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Năm 2011 có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị:  
 + Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Tấn Tâm- Chủ tịch HĐQT được Bộ NN&PTNT Việt Nam điều động nhận nhiệm vụ mới (Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam- Công ty TNHH 1 thành viên);

+ Ông Lê Hồng Sơn – UV Hội đồng quản trị Công ty được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011;

+ Ông Nguyễn Đình Trí được đại hội cổ đông thường niên 2011 bầu bổ sung vào vị trí ủy viên HĐQT;

+ Ông Lê Công Đức – UV Hội đồng quản trị từ nhiệm vào ngày 20/8/2011 và được Đại hội cổ đông thông qua ngày 10/9/2011.

Hiện tại HĐQT gồm 04 thành viên.

- Năm 2011, đã tổ chức 02 Đại hội cổ đông bất thường (01 bằng văn bản lấy ý kiến để thay đổi giấy đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật vào tháng 6/2011; 01 đại hội trực tiếp để phát hành tăng vốn điều lệ vào tháng 9/2011).

- Công ty tiến hành hồ sơ tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu ra công chúng thêm 2.520.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu, đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 22/12/2011. Đợt phát hành này kết thúc vào ngày 23/3/2012 và báo cáo cho UBCKNN vào ngày 24/3/2012, tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản, trong năm 2011 đã thực hiện và phê duyệt các dự án:

Các dự án đã hoàn thành:

| TT | Dự án   | Giá trị (tỷ đồng) | Thời gian đưa vào sử dụng |
|----|---|-------------------|---------------------------|
|    | <i>Tại Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i> |                   |                           |
| 1  | Hệ thống IQF siêu tốc 500 Kg/h                              | 5,972             | Quý II/2007               |
| 2  | Phân xưởng chế biến số 3                                    | 26,894            | Quý I/2009                |
| 3  | Kho bảo quản lạnh 800 tấn                                   | 10,760            | Quý I/2009                |
| 4  | Cải tạo, nâng cấp phân xưởng chế biến số 2                  | 13,321            | Cuối quý II/2011          |
|    | <i>Tại Công ty PTNL thủy sản</i>                            |                   |                           |
| 1  | Kho chứa nguyên liệu và thành phẩm 3000m <sup>2</sup>       | 4,983             | Quý I/2011                |
|    | <b>Tổng cộng giá trị</b>                                    | <b>61,930</b>     |                           |

Các dự án đang triển khai thực hiện:

| TT | Dự án   | Giá trị dự án (tỷ đồng) | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|----|---|-------------------------|------------------------------|
| 1  | Di dời kho lạnh 1500 tấn từ thành phố Hồ Chí Minh về Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang | 14,295                  | Cuối quý III/2012            |
| 2  | Nhà làm việc văn phòng 166 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh                             | 6,803                   | Quý II/2012                  |
|    | <b>Tổng cộng giá trị</b>  | <b>21,098</b>           |                              |

- Đối với việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT: Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 đến nay, sau khi thay đổi Tổng Giám đốc vào tháng 04/2011, tháng 06/2011 Ban điều hành tiếp tục giảm 01 Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu), hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty còn 02 thành viên.

- HĐQT Công ty đã thông qua chủ trương bán cổ phiếu Eximbank (Trong năm đã bán 591.870 cổ phiếu); thông qua quyết định chuyển nhượng bất động sản (Lô đất đường Nguyễn Tri Phương – Đà Nẵng); thông qua quyết định chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Xây Lắp Thủy Sản Việt Nam : 179.500 cổ phần.

- Chủ trương mua 3 ha đất tại Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng (hiện tại Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang đang thuê) và nhà làm việc cho chi



nhánh Công ty tại Hà Nội chưa thực hiện được. Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu, xem xét phương án thực hiện trình HĐQT trong thời gian đến.

### III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

| TÀI SẢN                    | 31/12/2011             | 01/01/2011             |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN        | 492.586.326.389        | 457.950.680.412        |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN         | 77.785.073.069         | 75.605.523.909         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>   | <b>570.371.399.458</b> | <b>533.556.204.321</b> |
| NGUỒN VỐN                  |                        |                        |
| A. NỢ PHẢI TRẢ             | 467.299.364.640        | 428.902.223.383        |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU          | 103.072.034.818        | 104.653.980.938        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> | <b>570.371.399.458</b> | <b>533.556.204.321</b> |

#### Các chỉ số tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu  | ĐVT | Năm 2011 | Năm 2010 |
|---|-----|----------|----------|
| <b>1 - Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>  |     |          |          |
| <i>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</i>                      |     |          |          |
| - Tài sản cố định / Tổng số tài sản                   | %   | 12,25    | 11,16    |
| - Tài sản lưu động / Tổng số tài sản                  | %   | 86,36    | 85,83    |
| <i>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>                    |     |          |          |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                        | %   | 81,93    | 80,39    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn               | %   | 18,07    | 19,61    |
| <b>2 - Khả năng thanh toán</b>                        |     |          |          |
| 2.1 Khả năng thanh toán hiện hành                     | Lần | 1,22     | 1,24     |
| 2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn                   | Lần | 1,12     | 1,13     |
| 2.3 Khả năng thanh toán nhanh                         | Lần | 0,61     | 0,76     |
| 2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn                    | Lần | 2,91     | 3,15     |
| <b>3- Tỷ suất sinh lời</b>                            |     |          |          |
| <i>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>           |     |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu            | %   | 1,01     | 1,89     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu              | %   | 0,77     | 1,66     |
| <i>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>        |     |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản         | %   | 2,46     | 4,90     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản           | %   | 1,88     | 4,29     |
| <i>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH</i> | %   | 10,39    | 21,86    |

Trong năm 2011, Công ty chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn, số cổ phiếu lưu hành và cơ cấu cổ phiếu đến thời điểm 22/08/2011 (thời điểm chốt danh sách để thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ lên 100,8 tỷ đồng) như sau:

| Cổ đông          | Số lượng CP  | Tỷ lệ |
|------------------|--------------|-------|
| Cổ đông nhà nước | 4.100.654,00 | 54,24 |
| Tổ chức          | 429.395,00   | 5,68  |

|             |                     |               |
|-------------|---------------------|---------------|
| Cá nhân     | 3.009.451,00        | 39,81         |
| Nước ngoài  | 20.500,00           | 0,27          |
| <b>CỘNG</b> | <b>7.560.000,00</b> | <b>100,00</b> |

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### **2.1. Lĩnh vực sản xuất chế biến, xuất khẩu thủy sản và xuất khẩu khác:**

Năm 2011 là một năm thành công của hoạt động xuất khẩu: kim ngạch đạt 28.916.322,42 USD, tăng 31,44% so với kế hoạch năm và tăng 16,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hoạt động sản xuất-chế biến chiếm tỷ trọng 93,33%, dịch vụ xuất khẩu chiếm tỷ trọng 6,67%. Kết quả từ hoạt động xuất khẩu đã đóng góp những giá trị lớn cho hoạt động nhập khẩu của Công ty cũng như tiếp tục vun đắp thêm uy tín, hình ảnh, vị thế của Công ty, nhất là đối với các ngân hàng trong tình hình ngoại tệ biến động như trong năm qua và nhập siêu vẫn còn là mục tiêu tiết giảm.

2011 thực sự là một năm quá nhiều biến động về nguyên liệu, từ sản lượng đến giá cả, ảnh hưởng từ dịch bệnh đến cạnh tranh, làm khu vực thị trường nguyên liệu đã mở dài đến Quảng Ninh (phía Bắc) và Ninh Thuận (phía Nam) thay cho khu vực tập trung Quảng Nam-Quảng Ngãi như trước đây, nhưng là một năm đánh dấu sự vượt ngưỡng của **Thọ Quang**, bước qua những nấc mới trong thang bậc mục tiêu kim ngạch xuất khẩu: 26.357.535,47 USD, tăng 37,79% so với năm 2010, tăng 42,47% so với kế hoạch năm 2011. Đây là minh chứng cho những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ người lao động trong Công ty Thọ Quang và những định hướng đầu tư đúng đắn của SeaproDEX Danang.

Hoạt động gia công đã bắt đầu triển khai được từ quý 3/2011, góp phần khai thác tốt công suất nhà máy, tạo công ăn việc làm ổn định thêm cho người lao động. Quan hệ khách hàng có thể đánh giá đã tốt lên rất nhiều khi khách hàng đã tăng sản lượng mua và mở thêm nhiều mặt hàng mới trong năm 2011. Đây là niềm vui, niềm tự hào của mỗi người làm việc ở Thọ Quang sau những nỗ lực nghiêm túc, đặt khách hàng vào trọng tâm hoạt động.

**Bộ phận xuất khẩu thuộc Ban Xuất nhập khẩu** đã có một năm hoạt động kinh doanh không thành công, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 1.561.614,49 USD, bằng 62,46% kế hoạch năm và bằng 45% so với cùng kỳ 2010. Kết quả hoạt động giảm sút của Bộ phận xuất khẩu khiến hiệu quả đóng góp vào lợi nhuận chung vào Công ty không đáng kể, chỉ góp phần trang trải chi phí review vụ kiện Tôm của Mỹ hàng năm (Bộ phận XK vẫn đang thực hiện chế độ khoán).

### **2.2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ:**

#### **2.2.1. Hoạt động kinh doanh vật tư:**

Giảm dần kim ngạch nhập khẩu và nâng dần chất lượng kinh doanh vật tư theo hướng tự doanh là chủ trương của lãnh đạo Công ty trong những năm qua. Mặc dù vậy, kết quả kim ngạch nhập khẩu đạt được năm 2011 vẫn ở mức cao: 33.082.887,43 USD, tăng 1,79% so với kế hoạch năm trong tình hình kinh tế và tài chính tiền tệ rất khó khăn. Bên cạnh đó, **mua vào vật tư trong nước đạt 57,75 tỷ đồng** cùng mức đóng góp vào lợi nhuận của Công ty từ hoạt động này vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Diễn biến thị trường của năm 2011 trong lĩnh vực kinh doanh vật tư thật sự không thể tiên lượng được, không theo qui luật các năm, giá cả khi liên tiếp tăng cao và khi giảm lại liên tục tạo đáy mới, cùng với việc xảy ra khủng hoảng kinh tế, chính trị ở các thị trường cung ứng nguồn hàng kinh doanh của đơn vị, áp lực thắt chặt tài chính tiền tệ trong nước cũng tạo khó khăn cộng hưởng cho lĩnh vực sản

xuất, thương mại ngoài xuất khẩu, khiến cho đầu vào, đầu ra của hàng hóa đều có trở ngại lớn, sự luân chuyển hàng hóa và tiền tệ theo đó cũng bị ảnh hưởng nhiều, làm tình trạng tồn kho cao xảy ra và quay vòng vốn của các đơn vị kinh doanh chậm hơn trước.

### 2.2.2. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kho vận:

Phòng kinh doanh Kho vận Đà Nẵng đã là tốt các công việc kinh doanh dịch vụ, doanh thu tăng 20,72% so với kế hoạch năm, tăng 57,36% so với năm 2010, và lợi nhuận đơn vị tăng 30,39% so với kế hoạch năm, tăng gần gấp 4 lần so với năm 2010.

Sau thời gian xem xét, đánh giá tình hình kinh doanh kho lạnh ở Quận 8- Tp Hồ Chí Minh (năm 2010 và những tháng đầu năm 2011), đến tháng 6/2011, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng kho lạnh này thông qua việc dời kho từ Tp Hồ Chí Minh về Đà Nẵng nhằm tăng năng lực dự trữ cho Thọ Quang, đồng thời khai thác kinh doanh kho lạnh tại khu vực Đà Nẵng với công suất kho là 1.500 tấn; xây dựng kho vật tư để kinh doanh (cho thuê và lưu hàng kinh doanh vật tư của Công ty) tại địa điểm quận 8 – Tp HCM.

### 2.3. Lĩnh vực sản xuất thức ăn nuôi thủy sản, gia công thức ăn gia súc:

Mặc dù các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng sản xuất đều vượt so với năm 2010 nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch năm 2011 của lĩnh vực hoạt động này. Đặc biệt, do cơ cấu sản lượng tiêu thụ thay đổi nhiều so với kế hoạch về thức ăn tôm và thức ăn cá đã làm cho sản lượng tiêu thụ thức ăn thủy sản nói chung vẫn đạt kế hoạch năm nhưng doanh thu không đạt kế hoạch, và theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận đã bị ảnh hưởng lớn: chỉ đạt 47,82% kế hoạch năm.

Kết quả này thực sự bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khách quan như dịch bệnh xảy ra trên diện rộng tại các khu vực thị trường mục tiêu của đơn vị, nguyên nhân được xác định là khả năng kiểm soát chất lượng con giống của người nuôi, nên dù giá thị trường thức ăn nuôi trồng thủy sản nói chung trong năm tăng nhiều, nhưng kết quả kinh doanh không khả quan.

Gia công thức ăn gia súc - gia cầm vẫn là hoạt động chính của đơn vị.

## 3. Kế hoạch năm 2012:

### Các chỉ tiêu cơ bản:

| Chỉ tiêu   | ĐVT              | Kế Hoạch 2012<br>(Trình ĐHCĐ) |
|--|------------------|-------------------------------|
| <b>1- Tổng doanh thu</b>                             | <b>Tỷ đồng</b>   | <b>1.420</b>                  |
| <b>2- Kim ngạch XNK</b>                              | <b>Triệu USD</b> | <b>63,00</b>                  |
| <i>Xuất khẩu</i>                                     | <i>Triệu USD</i> | <i>30,00</i>                  |
| <i>Nhập Khẩu</i>                                     | <i>Triệu USD</i> | <i>33,00</i>                  |
| <b>3. Mua vào vật tư trong nước</b>                  | <b>Tỷ đồng</b>   | <b>20,000</b>                 |
| <b>4- SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC</b>        |                  |                               |
| Doanh thu  | Tỷ đồng          | 54,00                         |
| Sản lượng SX :                                       | Tấn              | 23.400                        |
| <i>Trong đó, SL SX thức ăn TS</i>                    | <i>Tấn</i>       | <i>3.400</i>                  |
| <b>5- Doanh thu Kinh doanh Kho vận, cho thuê nhà</b> | <b>Tỷ đồng</b>   | <b>6,90</b>                   |
| <b>6- Khấu hao TSCĐ</b>                              | <b>Tỷ đồng</b>   | <b>12,73</b>                  |
| <b>7- Lợi nhuận</b>                                  | <b>Tỷ đồng</b>   | <b>15,20</b>                  |
| <b>8- Tỷ lệ chia cổ tức (tối thiểu)</b>              | <b>%</b>         | <b>10,00</b>                  |



#### IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

##### *Kiểm toán độc lập:*

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty Kiểm Toán và Kế toán AAC (thành viên quốc tế của POLARIS International). Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh – Quận Thanh Khê – Tp Đà Nẵng.

- **Ý kiến kiểm toán độc lập** (Trích “Báo cáo kiểm toán” ngày 12/3/2011 do Công ty Kiểm toán và Kế Toán AAC lập):

“Xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

- **Các lưu ý của kiểm toán** : Không có.

#### V. Các công ty có liên quan

##### Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

| Đơn vị góp vốn<br>(Đến 31/12/2011) |                    | Vốn góp của Công ty đến 31/12/11                      |                      |                        |
|------------------------------------|--------------------|---|----------------------|------------------------|
| Tên                                | Vốn điều lệ (đ)    | Tỷ lệ vốn góp của công ty/ VDL của đơn vị góp vốn (%) | Số vốn góp (đ)       | Số cổ phần sở hữu (CP) |
| Cty CP Thủy sản 584 Nha Trang      | 8.612.810.000      | 23,37   | 1.830.000.000        | 192.500                |
| Cty CP Đông Lạnh Quy Nhơn          | 9 018 500 000      | 7,76  | 700.000.000          | 70.000                 |
| Ngân hàng XNK Việt Nam (EIB)       | 12 526 974 000 000 | 0,11  | 5.364.103.043        | 500.007                |
| <b>TỔNG</b>                        |                    |   | <b>7.894.103.043</b> |                        |

##### **Thu nhập đầu tư tài chính năm 2011**

**1.911.533.950 đồng**

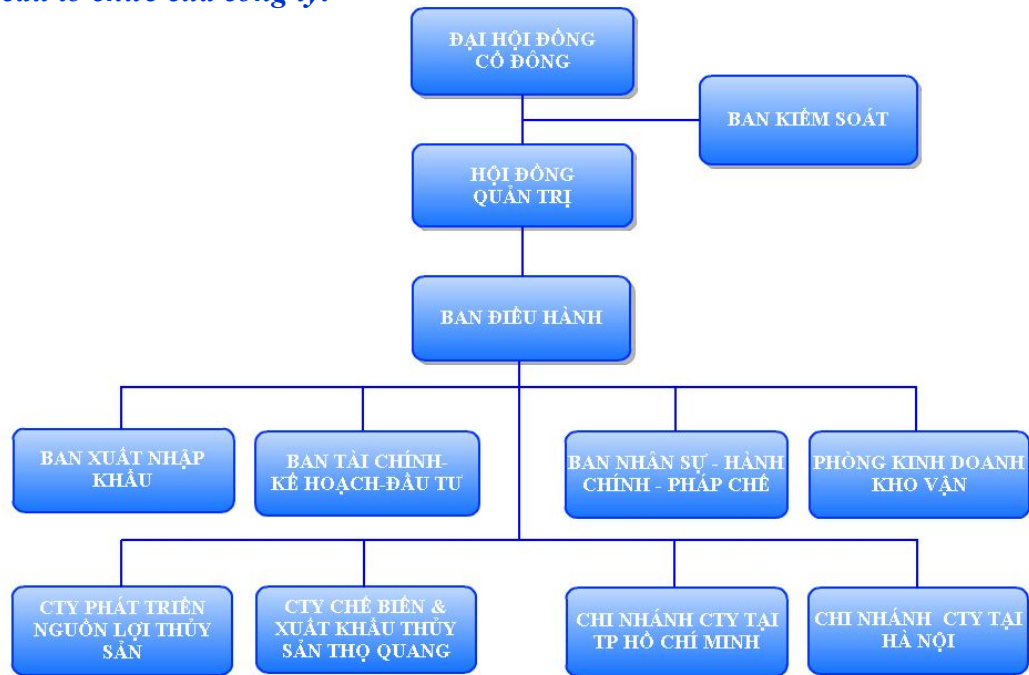
Trong đó :

- Thủy sản 584 Nha trang (chi cổ tức năm 2010, ứng cổ tức 2011):  
325.500. 000 đồng
- Đông lạnh Quy nhơn (chia cổ tức năm 2010) 112.000.000 đồng
- Eximbank Việt nam (chia cổ tức năm 2010 và chia lãi các năm trước còn):  
1.474.033.950 đồng

Trong năm 2011, Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang chia lợi nhuận còn lại của các năm trước bằng cổ phiếu với số lượng : 17.500 cổ phiếu.

## VI. Tổ chức và nhân sự

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



### 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành (đến 31/12/2011)

| HỌ VÀ TÊN       | NGÀY THÁNG NĂM SINH | NAM/ NỮ | QUÊ QUÁN              | LOẠI CỔ ĐÔNG | QUAN HỆ VỚI CĐNB | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ            | TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN          | CHỨC VỤ HIỆN NAY                      | SỐ CHỨNG KHOÁN NĂM GIỮ |
|-----------------|---------------------|---------|-----------------------|--------------|------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| Lê Hồng Sơn     | 18/09/1958          | Nam     | Thăng Bình, Quảng Nam | Nội bộ       |                  | 76 Hải Phòng - Đà Nẵng        | Cử nhân Kỹ Kinh Công nghiệp. | Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc. | 57.357                 |
| Phan Thị Thu Hà |                     |         |                       | NCLQ         | Vợ               |                               |                              |                                       | 105.890                |
| Thái Bá Nam     | 22/12/1965          | Nam     | Điện Bàn, Quảng Nam   | Nội bộ       |                  | Lô 29 B2, đường 2/9 - Đà Nẵng | Cử nhân Tài chính kế toán.   | Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc. | 31.929                 |
| Phạm Thị Xuân   |                     |         |                       | NCLQ         | Vợ               |                               |                              |                                       | 106.271                |

### 3. Thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc năm 2011 :

Đầu năm 2011, Ban Tổng Giám đốc Công ty có 04 thành viên (Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc).

Ngày 17/3/2011: Ông Trần Tấn Tâm – Tổng giám đốc được Bộ Thủy Sản và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam cử đảm nhận nhiệm vụ mới : Thành viên HĐTV, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam- Công ty TNHH 1 thành viên;

Ngày 16/4/2011 : Ông Trần Tấn Tâm được Đại Hội cổ đông thông qua việc thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc để nhận nhiệm vụ mới;

Ngày 16/4/2011: Ông Lê Hồng Sơn được Đại hội cổ đông thông qua việc đảm nhận vị trí Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Tháng 6/2011 : Ông Nguyễn Danh Uy – Phó Tổng giám đốc đến tuổi nghỉ hưu, đã nghỉ theo luật định.

Đến 31/12/2011, Ban Tổng Giám đốc có 02 thành viên (TGD và 01 Phó TGD).

#### 4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc năm 2011 được thực hiện theo đúng phê duyệt của Hội đồng quản trị vào đầu năm 2011.

#### 5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

##### 5.1. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:

| Số TT    | Nội dung                                      | Tổng số lao động | Trình độ chuyên môn kỹ thuật |           |           |          |           |              |                    |           |            |           |           |           |            | Bộ đội xuất ngũ |  |
|----------|---|------------------|------------------------------|-----------|-----------|----------|-----------|--------------|--------------------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|------------|-----------------|--|
|          |   |                  | Trên ĐH                      | Đại học   |           | Cao đẳng |           | Trung học CN | Công nhân kỹ thuật |           |            |           |           |           | LD PT      |                 |  |
|          |   |                  |                              | Kinh tế   | Kỹ thuật  | Kinh tế  | Kỹ thuật  |              | Bậc 1              | Bậc 2     | Bậc 3      | Bậc 4     | Bậc 5     | Bậc 6     |            |                 |  |
| <b>I</b> | <b>DIỄN BIẾN LAO ĐỘNG</b>                     |                  |                              |           |           |          |           |              |                    |           |            |           |           |           |            |                 |  |
| <b>1</b> | <b>Tổng số lao động có mặt đầu kỳ:</b>        | <b>1.097</b>     | <b>5</b>                     | <b>62</b> | <b>59</b> | <b>7</b> | <b>27</b> | <b>117</b>   | <b>305</b>         | <b>93</b> | <b>108</b> | <b>80</b> | <b>45</b> | <b>25</b> | <b>164</b> | <b>20</b>       |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | 684              | 2                            | 25        | 13        | 6        | 11        | 69           | 140                | 74        | 93         | 73        | 33        | 19        | 126        | -               |  |
| 1.1      | <b>Số lao động tăng trong kỳ:</b>             | <b>40</b>        | -                            | -         | <b>4</b>  | <b>1</b> | <b>3</b>  | <b>3</b>     | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>29</b>  | <b>3</b>        |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | 15               | -                            | -         | 1         | -        | 1         | -            | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | 13         | -               |  |
| 1.2      | <b>Số lao động giảm trong kỳ:</b>             | <b>33</b>        | -                            | <b>2</b>  | <b>3</b>  | -        | <b>4</b>  | <b>3</b>     | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>21</b>  | -               |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | 17               | -                            | -         | 1         | -        | 2         | -            | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | 14         | -               |  |
| a        | <b>Nghỉ hưởng chế độ lương hưu</b>            | <b>13</b>        | -                            | <b>1</b>  | <b>2</b>  | -        | <b>1</b>  | <b>3</b>     | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>6</b>   | -               |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>1</b>         | -                            | -         | -         | -        | -         | -            | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>1</b>   | -               |  |
| b        | <b>Thôi việc, mất việc</b>                    | <b>20</b>        | -                            | <b>1</b>  | <b>1</b>  | -        | <b>3</b>  | -            | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>15</b>  | -               |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>16</b>        | -                            | -         | <b>1</b>  | -        | <b>2</b>  | -            | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>13</b>  | -               |  |
| <b>2</b> | <b>Số lao động có mặt cuối kỳ</b>             | <b>1.104</b>     | <b>5</b>                     | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>8</b> | <b>26</b> | <b>117</b>   | <b>305</b>         | <b>93</b> | <b>108</b> | <b>80</b> | <b>45</b> | <b>25</b> | <b>172</b> | <b>23</b>       |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>682</b>       | <b>2</b>                     | <b>25</b> | <b>13</b> | <b>6</b> | <b>10</b> | <b>69</b>    | <b>140</b>         | <b>74</b> | <b>93</b>  | <b>73</b> | <b>33</b> | <b>19</b> | <b>125</b> | -               |  |
| <b>3</b> | <b>Số lao động đã ký kết HĐLĐ</b>             | <b>1.101</b>     | <b>4</b>                     | <b>58</b> | <b>53</b> | <b>4</b> | <b>29</b> | <b>112</b>   | <b>305</b>         | <b>93</b> | <b>108</b> | <b>81</b> | <b>45</b> | <b>25</b> | <b>184</b> | <b>15</b>       |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>681</b>       | <b>1</b>                     | <b>25</b> | <b>15</b> | <b>4</b> | <b>14</b> | <b>68</b>    | <b>150</b>         | <b>74</b> | <b>79</b>  | <b>72</b> | <b>34</b> | <b>19</b> | <b>126</b> | -               |  |
| 3,1      | <b>HĐLĐ không xác định thời hạn:</b>          | <b>324</b>       | <b>3</b>                     | <b>45</b> | <b>36</b> | -        | <b>4</b>  | <b>42</b>    | -                  | <b>2</b>  | <b>58</b>  | <b>61</b> | <b>21</b> | <b>19</b> | <b>33</b>  | <b>4</b>        |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>196</b>       | <b>1</b>                     | <b>17</b> | <b>9</b>  | -        | <b>1</b>  | <b>28</b>    | -                  | <b>1</b>  | <b>44</b>  | <b>54</b> | <b>13</b> | <b>15</b> | <b>13</b>  | -               |  |
| 3,2      | <b>HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm:</b> | <b>643</b>       | <b>1</b>                     | <b>12</b> | <b>11</b> | <b>4</b> | <b>15</b> | <b>59</b>    | <b>305</b>         | <b>91</b> | <b>50</b>  | <b>20</b> | <b>24</b> | <b>6</b>  | <b>45</b>  | <b>10</b>       |  |
|          | Trong đó:Nữ                                   | <b>385</b>       | -                            | <b>8</b>  | <b>3</b>  | <b>4</b> | <b>7</b>  | <b>35</b>    | <b>150</b>         | <b>73</b> | <b>35</b>  | <b>18</b> | <b>21</b> | <b>4</b>  | <b>27</b>  | -               |  |
| 3,3      | <b>HĐLĐ xác định thời hạn dưới 1 năm:</b>     | <b>134</b>       | -                            | <b>1</b>  | <b>6</b>  | -        | <b>10</b> | <b>11</b>    | -                  | -         | -          | -         | -         | -         | <b>106</b> | <b>1</b>        |  |

## 5.2 Chính sách với người lao động:

### 5.2.1. Về hợp đồng lao động và đảm bảo việc làm

- Tổng số CBCNV toàn Công ty có mặt đến 31/12/2011 là: 1.104 người (nam: 422 người, nữ: 682 người) đã được ký kết theo các loại HĐLĐ, trong đó:

- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : 324 người
- + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1-3 năm : 643 người
- + Hợp đồng lao động theo mùa vụ, theo một công việc : 134 người  
(có thời hạn dưới 1 năm)

02 thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không thực hiện ký kết HĐLĐ theo qui định của Bộ luật Lao động.

Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ được thực hiện theo đúng HĐLĐ đã ký kết.

- Trong năm 2011, đã giải quyết cho 162 trường hợp chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng cá nhân và đã được Công ty giải quyết chế độ theo đúng qui định tại Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, Điểm c Khoản 2 và Khoản 5 Điều 14 Nghị định 44/2003 ND - CP ngày 9/5/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động, Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 44/2003 ND - CP.

- Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và trong năm 2011 đã có nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, người lao động bị mất việc làm, nhưng ở Công ty vẫn đảm bảo việc làm thường xuyên cho người lao động.

### 5.2.2. Về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi

Đối với khối làm việc theo giờ hành chính: thực hiện tuần làm việc từ 40-44h, được nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, riêng CBCNV thuộc 02 Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh và Hà Nội được nghỉ cả ngày thứ bảy và chủ nhật, nhưng vẫn đảm bảo tuần làm việc 40h.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận hành, bảo vệ làm việc theo ca kíp, 1 ca từ 8-12h, hoặc trực 1 ngày nghỉ 1 ngày.

Do đặc thù ngành nghề, CBCNV đặc biệt là công nhân chế biến thủy sản vào thời điểm cao vụ thường xuyên được huy động làm thêm giờ. Đối với Công ty CB&XKTS Thọ Quang, trong những tháng cao vụ, Công ty vẫn huy động làm thêm giờ nhưng không quá 4 giờ/ ngày và đã được người sử dụng lao động trao đổi, thỏa thuận với BCH Công đoàn, BCH Công đoàn Công ty CB&XKTS Thọ Quang cũng đã làm tốt công tác tư tưởng với người lao động, để người lao động cùng chia sẻ và đăng ký thực hiện.

Tất cả người lao động có thời gian làm việc 12 tháng trong 1 năm tại Công ty được nghỉ 12 ngày phép, và cứ đủ 5 năm làm việc tại Công ty được tăng thêm 1 ngày. Tiền phép năm 2011 của CBCNV trong toàn Công ty đã được thanh toán đầy đủ theo quy định. CBCNV được nghỉ hưởng nguyên lương vào các ngày Lễ, Tết, nghỉ việc riêng có lương theo đúng quy định của Bộ luật Lao động; Khi huy động người lao động làm việc tăng ca, tăng giờ, Công ty đã thực hiện thanh toán tiền lương, tiền công theo đúng qui định của Bộ luật Lao động.

### 5.2.3 Về Tiền lương và sử dụng lợi nhuận

Công ty hiện đang áp dụng các hình thức trả lương sau:

Lương theo chức danh công việc ; Lương khoán ; Lương sản phẩm

Tiền lương tháng trước được thanh toán vào khoảng từ ngày 1 đến ngày 10 của tháng sau.

Tiền lương của người lao động so với năm 2010 tại Khối các Phòng Ban Công ty tăng 28%; và Chi nhánh Hà Nội tăng 44%, Công ty CB&XKTS Thọ Quang tăng 39,8%, Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản được tăng 21%, Chi nhánh HCM tăng 55%.

Thu nhập thực tế bình quân năm 2011 của CBCNV toàn Công ty là: 4.384.000 đ/người/tháng, tăng 32,18% so với năm 2010.

#### 5.2.4 Về Các đảm bảo xã hội cho người lao động

Đảm bảo 100% CB CNV của Công ty đã ký kết HĐLĐ từ 3 tháng trở lên tham gia BHXH, BHYT, BHTN Đối với CBCNV thuộc các Phòng, Ban Công ty, Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh và Hà Nội, Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản đã được người sử dụng lao động trích nộp 8,5% BHXH thay cho người lao động.

Công ty vẫn thực hiện chế độ thang bảng lương của nhà nước để tham gia BHXH cho CBCNV.

Ngoài ra, Công ty đã mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV; Tổng số tiền mua các loại bảo hiểm là 102.096.000 đ

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được duy trì và quan tâm. Tổng số tiền Công ty đã chi để trang bị trang phục, BHLĐ, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề là: 832.522.826 đ.

Năm 2011, đa số CBCNV trong Công ty đã được tham gia khám sức khỏe định kỳ với tổng kinh phí là 106.180.000 đ

Về chi thăm hỏi và hiếu hỉ, Công ty đã áp dụng mức chi cho CBCNV cao hơn mức quy định tại TULĐTT cũng như Phụ lục TULĐTT với tổng chi trong năm 2011 là 14.295.000 đ.

Nhằm đảm bảo đời sống tinh thần cũng như đảm bảo sức khỏe cho người lao động, Công ty thường tổ chức sinh hoạt tập thể trong các ngày lễ lớn như 8/3, 1/5, 20/10,... thông qua các chương trình dã ngoại, tham quan,... tạo môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh và đặc biệt tăng cường sự giao lưu thân thiện, đoàn kết trong người lao động, giữa người lao động với cán bộ quản lý. Ngoài ra, các chính sách ăn ca, bồi dưỡng tăng giờ luôn được Công ty quan tâm và thực hiện tốt. Tổng số tiền chi nghỉ dưỡng, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động trong năm 2011 là 387.184.130 đ.

Số CBCNV toàn công ty được hưởng chế độ bồi dưỡng sức khỏe từ 10% quỹ phúc lợi của Công ty chuyển cho Công đoàn Công ty quản lý là 200 người với số tiền là: 40.000.000 đ.

Trong năm 2011, Công ty không nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo hay gặp mặt trực tiếp để khiếu nại, tố cáo từ CBCNV trong toàn Công ty.

#### 5.2.5 Về Khen thưởng kỷ luật

- Khen thưởng:

Công tác bình bầu, xét chọn các danh hiệu thi đua của Công ty được thực hiện theo Hướng dẫn số 09/HD-CT ngày 10/01/2007 của Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kết quả thi đua năm 2011:

\* Cá nhân:

- + Đạt danh hiệu LĐTT 640 cá nhân/ 1.104 lao động, chiếm 57,97%.
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở : 14 người
- + Tổng Giám đốc Công ty tặng GK : 45 người

\* Tập thể:

- + Tập thể LĐTT : 14 tập thể
- + Tập thể LĐXS : 06 tập thể

Về sáng kiến cải tiến kỹ thuật: có 06 sáng kiến được công nhận : Thọ Quang có 04 sáng kiến và Cty Phát triển nguồn lợi Thủy Sản có 02 sáng kiến.



Có 01 cá nhân nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Tp Đà Nẵng, 01 cá nhân được UBND thành phố Đà Nẵng trình Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; 07 cá nhân được tặng giấy khen của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và 03 cá nhân được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam trình Bộ Nông Nghiệp và PTNT tặng Bằng khen.

Tổng số tiền chi khen thưởng các danh hiệu toàn Công ty: 1.172.695.000 đ

Ngoài ra Công ty CB&XKTS Thọ Quang, Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản đã phát động các phong trào thi đua và được người lao động hưởng ứng nhiệt tình: như phong trào thi đua lao động chuyên cần, năng suất, chất lượng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật... các phong trào đã được sơ tổng kết và tuyên dương khen thưởng kịp thời nhằm động viên khuyến khích người lao động. Đặc biệt Công ty Thọ Quang đã chi khen thưởng các phòng trào trên với tổng số tiền: 2.020.939.215 đ.

Về tổ chức Công đoàn, Công đoàn Cty CP XNK Thủy Sản Miền Trung được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc về phong trào Xanh- sạch-đẹp năm 2011, Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng công nhận Công đoàn Vững mạnh tiêu biểu, Công đoàn Công ty CB&XK Thủy Sản Thọ Quang được Liên đoàn lao động Thành phố Đà Nẵng tặng Bằng khen.

Kỷ luật: Trong năm 2011 có 03 cá nhân vi phạm kỷ luật về hành vi trộm cắp sản phẩm, đã bị xử lý kỷ luật với hình thức sa thải.

#### **6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

+Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Tấn Tâm- Chủ tịch HĐQT được Bộ NN&PTNT Việt Nam điều động nhận nhiệm vụ mới (Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam- Công ty TNHH 1 thành viên);

+Ông Lê Hồng Sơn – UV Hội đồng quản trị Công ty được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011;

+Ông Nguyễn Đình Trí được đại hội cổ đông thường niên 2011 bầu bổ sung vào vị trí ủy viên HĐQT;

+Ông Lê Công Đức – UV Hội đồng quản trị từ nhiệm vào ngày 20/8/2011 và được Đại hội cổ đông thông qua ngày 10/9/2011.

Đến tháng 4/2012 (hết nhiệm kỳ I (2006-2011 kéo dài đến tháng 4/2012), Hội đồng quản trị có 04 thành viên.

### **VII. Thông tin cổ đông và thông tin quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên:**

Đến 31/12/2011, Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên.

Trong đó, có 03 thành viên kiêm nhiệm điều hành công ty, gồm :

-Ông : Lê Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc

-Ông : Thái Bá Nam - Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc

-Ông : Nguyễn Đình Trí - Ủy viên HĐQT, giám đốc Chi nhánh Cty CP XNK Thủy Sản Miền Trung – Công ty Phát Triển Nguồn Lợi Thủy Sản.

-Ông : Lý Tiết Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT, là thành viên độc lập.

Một đặc điểm của HĐQT Công ty là 3/4 thành viên nằm trong Ban điều hành Công ty, các thành viên khác đều đang làm các công việc có liên quan nhiều đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty nên rất am hiểu và thuận lợi khi trao đổi, thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, việc triển khai thực hiện chủ trương của HĐQT theo đó cũng đã nhanh chóng và kịp thời. Tuy nhiên, các thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiều chức vụ và công tác tại các địa phương khác nhau nên việc tổ chức họp có những hạn chế nhất định .

Năm qua, các thành viên HĐQT tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, 02 kỳ đại hội cổ đông bất thường (01 bằng văn bản lấy ý kiến để thay đổi giấy đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật; 01 đại hội trực tiếp để phát hành tăng vốn điều lệ) và 14 phiên họp HĐQT, gồm 09 phiên họp trực tiếp, 05 phiên họp lấy ý kiến để nghe báo cáo, đánh giá kết quả SXKD của Công ty và thống nhất quyết định các vấn đề quan trọng khác. Từ việc bám sát tình hình thực tế, HĐQT đã có những chủ trương, quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở tính thống nhất cao của các thành viên HĐQT.

**Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên:**

- Ông : Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Ban (đang tham gia cấp quản lý tại Công ty với vị trí Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang)

- Ông : Trần Phước Thái – Thành viên (độc lập)

- Ông : Lê Công Tòng – Thành viên, đã từ nhiệm và được ĐHCĐ thường niên 2011 chấp thuận thông qua.

Đại hội cổ đông thường niên 2011 cũng đã bầu bổ sung Ông: Huỳnh Huy Hòa – thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của ban kiểm soát từ khi thành lập đến nay được tiến hành một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty:

- Đã tiến hành phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban kiểm soát để thực hiện kiểm tra, đánh giá theo chức năng.

- Lập kế hoạch kiểm soát, khảo sát và đề xuất với hội đồng quản trị về việc chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2011.

- Thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ sáu tháng và năm. Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành điều lệ công ty cũng như các quyết định của hội đồng quản trị; đề xuất cụ thể cho Ban Tổng giám đốc tích cực thu hồi các khoản công nợ khó đòi, hoặc có những biện pháp cứng rắn hơn trong việc thu hồi nợ đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT về những vấn đề cần phải điều chỉnh trong quá trình điều hành tại các đơn vị trực thuộc công ty sau mỗi lần kiểm soát;

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi hoàn thành nhiệm vụ.

**Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động SXKD, quản trị công ty**

- Tổ chức lại bộ máy theo hướng sử dụng có hiệu quả nguồn lực con người, nguồn lực tài sản, tài chính, hỗ trợ cho định hướng trọng tâm là sản xuất – xuất khẩu;

- Với định hướng **sản xuất- xuất khẩu là trọng tâm phát triển**, Công ty sẽ chú trọng duy trì các quan hệ khách hàng đã có, đặc biệt chú trọng đến việc giữ vững niềm tin của khách hàng với Công ty thông qua việc tiếp tục tăng cường kiểm soát quá trình sản xuất, tổ chức xuất khẩu phù hợp với các yêu cầu của khách hàng, thị trường; cố gắng đạt chứng nhận ISO 9001: 2008 và ISO 22000: 2005 trong năm 2012 (dự kiến quý 2), cùng với duy trì các chứng nhận chất lượng đã có, những động thái này là biện pháp hữu ích gây dựng thêm niềm tin trong nhìn nhận, đánh giá của khách hàng về Công ty. Theo kế hoạch 2012, khách hàng Nhật chiếm khoảng 65%, EU chiếm khoảng 25%, Mỹ và thị trường khác chiếm khoảng 10% , đây là định hướng của Công ty trong môi trường kinh doanh thủy sản bị tác động trực tiếp bởi diễn biến kinh tế Châu Âu, thị trường Mỹ chưa ổn định.

- **Lao động trực tiếp và năng lực quản lý** là những vấn đề lớn cần đầu tư cho lĩnh vực sản xuất chế biến – xuất khẩu thủy sản để phát huy được hiệu quả sau đầu tư, trong đó, việc thay đổi mô hình tổ chức là một biện pháp tích cực, cơ bản.

- Bên cạnh việc chủ động củng cố hoạt động sản xuất-kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản, Công ty xem việc “hợp tác để cùng phát triển” vẫn là một lựa chọn khi có điều kiện phù hợp, khi sự hợp tác này tạo được những năng lực cộng hưởng cho đơn vị Cty Phát Triển Nguồn Lợi Thủy Sản.

- Kinh doanh vật tư nhập khẩu đã góp phần lớn tạo nên sức mạnh về thể và lực cho Công ty. Tuy nhiên, thận trọng với tình hình kinh tế năm 2012, Công ty không chủ trương tăng kim ngạch nhập khẩu mà tập trung vào hiệu quả trong kinh doanh thông qua các giải pháp tăng vòng quay vốn, tăng tỷ lệ tự doanh, giữ vững hệ thống khách hàng, và quản lý chi phí.

- Kinh doanh dịch vụ kho lạnh nói chung vẫn là lĩnh vực được đánh giá có thể khai thác tốt nên Công ty vẫn chú trọng khai thác hiệu quả từ hoạt động kinh doanh kho lạnh Đà Nẵng. Để giảm dần thời gian thiếu nguyên liệu sản xuất trong năm, đảm bảo việc làm cho người lao động, chủ động với các đơn hàng, kho lạnh 1.500 tấn (dời từ Tp HCM về Đà Nẵng) sẽ được đưa vào sử dụng song song với việc khai thác dịch vụ cho thuê.

- Sau đợt phát hành tăng vốn điều lệ kết thúc vào tháng 3/2012 (tăng từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng), Công ty sẽ chú ý khả năng khai thác các thế mạnh tài sản sẵn có và chuyển đổi tài sản (bán – mua/đầu tư khác), chủ động hơn trong nguồn vốn kinh doanh.

- Đi đôi với việc củng cố bộ máy tổ chức, mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn hơn, phù hợp với điều kiện mới, công tác nhân sự sẽ có sự bổ sung, sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp. Với việc xem *đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm*, năm 2012 Ban lãnh đạo Công ty sẽ chủ trương xây dựng mới chính sách lương, thưởng, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kế cận của Công ty.

- Để hỗ trợ cho các chương trình chính thuộc nhân sự, Công ty sẽ cùng các tổ chức đoàn thể trong Công ty chú ý hơn nữa đời sống tinh thần của người lao động, bao gồm điều kiện làm việc, môi trường làm việc, sinh hoạt tập thể để tạo sự thoải mái, vui vẻ, tiện nghi nhưng nghiêm túc, kỷ luật hơn trong Công ty.

- Về đầu tư, Công ty sẽ kết thúc dự án nhà làm việc 166 Nguyễn Công Trứ-Quận 1- Tp HCM vào tháng 6/2012, đưa vào khai thác dịch vụ và ổn định văn phòng giao dịch của công ty tại Tp HCM; dự kiến kết thúc và đưa vào sử dụng kho 1.500 tấn mới di dời cuối quý 3/2012. Ngoài ra, Công ty vẫn chú ý cơ hội đầu tư nhà làm việc cho Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, đề xuất với Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến khu đất tại Thọ Quang.

#### **Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát:**

Trong năm 2011 được thực hiện đúng theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2011 là 420.000.000 đ, thực chi trong năm 405.000.000đ, gồm :

- Tổng mức thù lao của HĐQT là: 301.000.000 đồng.
- Tổng mức thù lao của thư ký HĐQT là: 30.000.000 đồng.
- Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát là: 74.000.000 đồng.

#### **Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT:**

Tính từ đại hội cổ đông thường niên 2011, có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty, tỷ lệ sở hữu là:

| Cổ đông         | Số cổ phần đại diện<br>vốn nhà nước | Số cổ phần<br>thuộc sở hữu<br>cá nhân | Số cổ phần<br>thuộc sở hữu<br>của những<br>người có liên<br>quan | Cộng                | Tỷ lệ sở hữu/<br>vốn điều lệ<br>(%) |
|-----------------|-------------------------------------|---------------------------------------|--|---------------------|-------------------------------------|
| Lê Hồng Sơn     | 1.832.654,00                        | 57.357                                | 105.890  | 1.995.901           | 26,40                               |
| Thái Bá Nam     | 1.134.000,00                        | 31.929                                | 106.271  | 1.272.200           | 16,83                               |
| Nguyễn Đình Trí | 1.134.000,00                        | 29.628                                |  | 1.163.628           | 15,39                               |
| Lý Tiết Dũng    | -                                   | 263.856                               |  | 263.856             | 3,49                                |
| <b>CỘNG</b>     | <b>4.100.654,00</b>                 | <b>382.770,00</b>                     | <b>212.161,00</b>  | <b>4.695.585,54</b> | <b>62,11</b>                        |

**Thông tin về hợp đồng đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:** Trong năm 2011, Công ty có thực hiện 04 hợp đồng bán hàng hóa vật tư với Công ty TNHH Bảo Duy – Tp Hồ Chí Minh, do ông Lý Tiết Dũng – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Giám đốc. Tổng giá trị hợp đồng : 716.063,04 USD, Công ty Bảo Duy thực hiện thanh toán rất tốt (trước hạn và đúng hạn), lãi gộp đạt 25.010,00 USD.

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông**

### **2.1. Cổ đông Nhà nước**

- Cổ đông nhà nước tại Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung là Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam. Địa chỉ liên lạc : 2-4-6 Đồng Khởi – Quận 1 – Tp HCM

Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh thủy sản đông lạnh, thủy sản khô và các hàng hóa khác. Kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản.

Số lượng cổ phần sở hữu : 4.100.654 CP. Tỷ lệ : 54,24%

### **2.2. Cổ đông sáng lập**

Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định 1226/QĐ-BTS ngày 21/10/2005 của Bộ Thủy Sản về việc cổ phần hoá DNNN.

Đại hội cổ đông thành lập Công ty xác định Vốn nhà nước (Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam) tại Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung chiếm tỷ lệ 51,26%.

Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam cử 03 người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung, gồm :

- Ông Trần Tấn Tâm – đại diện cho 1.279.200 CP (tỷ lệ 23,25% vốn Điều lệ)

- Ông Lê Hồng Sơn – đại diện cho 770.000 CP (tỷ lệ 14% vốn điều lệ)

- Ông Thái Bá Nam - đại diện cho 770.000 CP (tỷ lệ 14% vốn điều lệ)

Sau khi tăng vốn điều lệ vào tháng 11/2008, phần vốn nhà nước tăng lên 4.100.654 cổ phần, chiếm tỷ lệ 54,24%, đại diện phần vốn nhà nước thay đổi như sau:

- Ông Trần Tấn Tâm – đại diện cho 1.845.294 CP (tỷ lệ 24,41% vốn Điều lệ)

- Ông Lê Hồng Sơn – đại diện cho 1.127.680 CP (tỷ lệ 14,92% vốn điều lệ)

- Ông Thái Bá Nam - đại diện cho 1.127.680 CP (tỷ lệ 14,92% vốn điều lệ)

Sau khi có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị, kể từ đại hội cổ đông thường niên 2011 (tháng 4/2011) đại diện phần vốn Nhà nước thay đổi như sau :

- Ông Lê Hồng Sơn – đại diện cho 1.832.654 CP (tỷ lệ 24,24% vốn điều lệ)

- Ông Thái Bá Nam - đại diện cho 1.134.000 CP (tỷ lệ 15% vốn điều lệ)

- Ông Nguyễn Đình Trí- đại diện cho 1.134.000 CP (tỷ lệ 15% vốn điều lệ)



Các Ông có tên trên hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị và đảm nhiệm các vị trí quản lý trong Ban điều hành công ty và vị trí quản lý khác trong Công ty.

**2.3. Cổ đông nước ngoài**

Ông : OTSUHATA TAKEMI

Địa chỉ: 2-5-10 Haijima, Akishima, Tokyo, Japan

Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung có 01 cổ đông nước ngoài, quốc tịch Nhật Bản, đang sở hữu 20.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,27% vốn điều lệ hiện nay.

Trân trọng,

**CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị,**

**Kiểm Tổng Giám đốc**

*(Đã ký)*

**LÊ HỒNG SƠN**